

MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN DÚI MỐC LỚN (*Rhizomys pruinosus blyth*, 1851) TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Nguyễn Thanh Bình

Khoa Tài nguyên Môi trường, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/12/2015

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

Title:

Some common diseases in Hoary Bamboo rat (*Rhizomys Pruinosus Blyth, 1851*) under captive condition and treatment methods

Từ khóa:

Dúi mốc lớn, Nuôi nhốt, Bệnh thường gặp, Biện pháp xử lý, Đồng Nai

Keywords:

Rhizomys pruinosus, Captive condition, Common diseases, Remedy, Dong Nai

ABSTRACT

This research was conducted to investigate common diseases occurring in the Hoary Bamboo rat (*Rhizomys Pruinosus Blyth, 1851*) in order to find the appropriate treatment and prevention strategy. The knowledge obtained from this study would be also used to reduce economic loss and to contribute for the control of zoonotic diseases. During the period of 12 months, at the Center of Applied Biotechnology of Dong Nai province, Vietnam, 60 Hoary Bamboo rats in captivity were observed. The results showed that the most common diseases were abscesses and biting (5.56%), external parasites (33.3%) and ophthalmic problems (7.78%). Cure rates were very high (100%). Generally, the Hoary Bamboo rat was well-adapted to the captive condition with simple diseases that caused little economic loss.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này theo dõi một số bệnh thường gặp và khả năng xử lý các bệnh trên dúi mốc lớn (*Rhizomys Pruinosus Blyth, 1851*) nuôi nhốt tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở để kiểm soát dịch bệnh ở dúi mốc lớn nhằm giảm thiểu thiệt hại kinh tế và góp phần vào việc kiểm soát các bệnh lây nhiễm từ động vật. Trong thời gian 12 tháng, 60 cá thể dúi trong điều kiện nuôi nhốt tại Trung tâm được quan sát, khám lâm sàng và theo dõi các bệnh lý bất thường xảy ra khi nuôi nhốt. Kết quả cho thấy các bệnh thường gặp cao nhất là hình thành ổ mủ và cắn nhau chiếm 5,56%; bệnh ký sinh trùng ngoài da chiếm 3,33% và bệnh mắt chiếm 7,78%. Tỷ lệ chữa khỏi các bệnh này cao (100%). Trong điều kiện nuôi nhốt, đánh giá bước đầu là dúi ít bệnh, chỉ xảy ra những bệnh đơn giản, có thể điều trị được dễ dàng và không gây thiệt hại nhiều về mặt kinh tế.

Trích dẫn: Nguyễn Thanh Bình, 2016. Một số bệnh thường gặp trên dúi mốc lớn (*Rhizomys Pruinosus Blyth, 1851*) trong điều kiện nuôi nhốt và biện pháp xử lý. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44b: 113-118.

1 GIỚI THIỆU

Nhu cầu của xã hội ngày càng tăng về các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng, con người đã khai thác, săn bắn quá mức các loài động vật hoang dã làm cho nguồn tài nguyên này trở nên cạn kiệt, hầu

hết các loài quý hiếm, có giá trị cao đều đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoặc không còn khả năng khai thác. Trước thực tế đó nghề nhân nuôi, thuần dưỡng các loài động vật hoang dã đã phát triển mạnh ở nhiều quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu của

xã hội, đồng thời làm giảm áp lực săn bắt động vật hoang dã và bảo tồn đa dạng sinh học.

Trung Quốc, Ấn Độ, Đức và Thái Lan là các quốc gia có nghề nhân nuôi động vật hoang dã rất phát triển, trong đó có dúi mốc lớn. Nhưng tài liệu nước ngoài về kỹ thuật nhân nuôi dúi mốc rất ít. Một số công trình nước ngoài có thể kể đến như năm 1984, Xu đã công bố công trình nghiên cứu về đặc điểm sinh học của dúi mốc *Rhizomys pruinosus*, kết quả nghiên cứu này đã tạo được một cơ sở dữ liệu khoa học quý giá làm nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo cũng như tiến hành nhân nuôi loài thú này. Một số công trình công bố các phương pháp nhân nuôi, huấn luyện và sinh sản nhân tạo dúi mốc (Feng, 1996). Một số tác giả khác đã công bố về các đặc điểm sinh học của các loài thú thuộc bộ gặm nhấm trong đó có dúi mốc lớn (Darrin Lunde, 2000; Xu, 1984; Andrew *et al.*, 2008; Lui *et al.*, 2011; Long, 2012). Tuy nhiên, chưa có công trình nào mô tả cụ thể các bệnh và quy trình điều trị bệnh trên dúi mốc lớn trong điều kiện nuôi nhốt. Trong điều kiện nuôi nhốt, dúi mốc thường mắc phải một số loại bệnh như: ghẻ, nấm da, viêm kết mạc mắt, bại liệt, chướng bụng đầy hơi, cầu trùng ruột (Cocidiosis), đi ngoài phân nát, ký sinh trùng ngoài da, đường ruột. Tuy nhiên, sự ghi nhận các bệnh và đề xuất các phác đồ điều trị cho dúi mốc chưa có nhiều tài liệu để cung cấp cho người chăn nuôi và làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi theo dõi các bệnh của dúi mốc lớn và quy trình điều trị trên mô hình nuôi nhốt tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai nhằm ghi nhận một số bệnh thường xảy ra trong điều kiện nuôi nhốt và ghi nhận biện pháp xử lý kịp thời, nhằm cung cấp thông tin cho nhà chăn nuôi để hạn chế thiệt hại về kinh tế và kiểm soát nguồn bệnh trên thú hoang dã và người.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Thời gian và địa điểm

Thí nghiệm được tiến hành tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai trong thời gian 12 tháng.

2.2 Vật liệu sinh học

Dúi mốc lớn (60 cá thể lớn được sinh ra tại địa điểm khảo sát và được theo dõi trong điều kiện nuôi nhốt).

2.3 Bố trí thí nghiệm

Các dúi mốc lớn được nuôi với cùng điều kiện tiêu khí hậu, nguồn thức ăn và điều kiện chăm sóc như nhau tại địa điểm khảo sát. Các dúi được bố trí riêng biệt mỗi dúi trong một ô chuồng nuôi. Khi có biểu hiện động dục, dúi sẽ được ghép đôi, mỗi ô chuồng 2 con.

2.4 Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi

Theo dõi và ghi chép tất cả những biểu hiện bất thường về sức khỏe của dúi mốc, đưa ra những ghi nhận về tình trạng và tỉ lệ nhiễm các bệnh phổ biến theo nhóm bệnh sau:

- Bệnh nội khoa: hô hấp, bài tiết, tiêu hóa.
- Bệnh sản khoa: đẻ khó và những bất thường khi đẻ.
- Bệnh ký sinh trùng: giun đũa, giun móc, cầu trùng.
- Các bệnh khác.

Chẩn đoán và điều trị: dựa vào những biểu hiện bất thường trên dúi để ghi nhận bệnh. Sử dụng hồ trợ phương pháp kiểm tra bằng kính hiển vi để xác định ký sinh trùng trong phân. Lấy mẫu bệnh phẩm đem phân tích kết quả tại trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh trong các trường hợp nghi ngờ dúi bệnh và dúi bị chết.

Điều trị: giải quyết theo triệu chứng và nguyên nhân một số bệnh, đưa ra hướng điều trị cho những trường hợp bệnh tương tự.

3 KẾT QUẢ

3.1 Các bệnh thường xảy ra trên dúi mốc

Qua kết quả Bảng 1, chúng tôi xếp các nhóm bệnh trên dúi theo 3 nhóm chính: chấn thương cơ học, bệnh ký sinh trùng ngoài da, bệnh về mắt. Trong điều kiện nuôi nhốt, các dúi do đặc điểm hoang dã thích đào hang nên có thể gây ra những va chạm và chấn thương trên cơ thể (Phạm Nhật, 1993). Kết quả của chúng tôi cho thấy tỉ lệ bệnh chấn thương cơ học cao nhất (38,33 %), tiếp theo là các bệnh về mắt và bệnh ngoài da (8,33 và 5,0 % cho mỗi trường hợp). Việc chấn thương cơ học có thể dẫn đến gây các khối mũ tích tụ dưới da, thú sẽ kém ăn, ít vận động và đặc biệt sẽ ảnh hưởng đến mức tăng trọng và khả năng giao phối đối với thú giống. Đối với bệnh mắt khi tiếp xúc với ánh sáng sẽ gây ra tình trạng nặng hơn trên dúi. Nhìn chung, các bệnh xảy ra được theo dõi trong điều kiện nuôi nhốt dúi ít bệnh và các bệnh đơn giản.

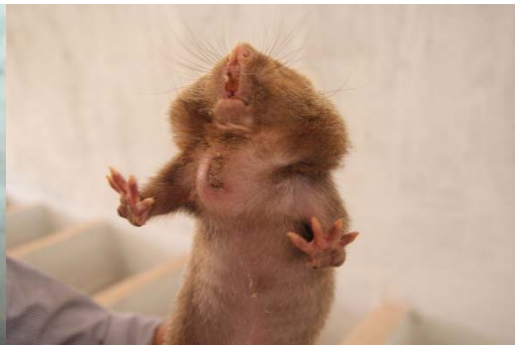
Bảng 1: Các nhóm bệnh chủ yếu trên dúi mốc lớn và hiệu quả điều trị

Loại bệnh	Số con theo dõi	Số con bệnh	Tỷ lệ bệnh (%)	Số con khỏi bệnh	Tỷ lệ khỏi bệnh (%)
Chấn thương cơ học	60	23	38,3	23	100
Bệnh ký sinh trùng ngoài da	60	3	5,0	3	100
Bệnh về mắt	60	5	8,3	5	100

3.2 Cách điều trị một số bệnh thường gặp trên dúi mốc

3.2.1 Chấn thương cơ học có ổ mũ

Nguyên nhân và biểu hiện bệnh: Các ổ ủ được tích tụ dưới da, với những biểu hiện điển hình của ổ viêm. Vết thương sẽ sưng to từ 5-7 ngày, sau đó lớp da trên vùng viêm sẽ mỏng dần. Một số trường hợp da sẽ vỡ và tạo mũ chảy ra bên ngoài.



Hình 1: Ổ mũ dưới cổ



Hình 2: Ổ mũ bên hông bụng

Cách điều trị

Để cho ổ mũ sưng to, vỡ tự nhiên, rồi thực hiện các bước: sát trùng ổ mũ bị vỡ bằng iodine, nặn hết mũ, sát trùng lại bằng cồn-iodine bên ngoài ổ mũ, rắc thuốc sulfamide. Trong trường hợp dúi bỏ ăn, giảm hoạt động, nghi ngờ có sự viêm nhiễm có thể dùng nhóm gentamycine tiêm bắp với liều 4 mg/kg trọng lượng. Đồng thời, tiến hành làm vệ sinh như trên hàng ngày cho tới khi hết bệnh.



Hình 3: Dúi bị thương trên lưng do cắn nhau

3.2.2 Bệnh ký sinh trùng ngoài da

Nguyên nhân và biểu hiện

Dúi bị ngứa, lông bị xù, trên da có nhiều ngoại ký sinh trùng bám. Sự xâm nhập và ký sinh trên dúi làm thú khó chịu, cạo gậy. Những điều kiện bất lợi trên làm thú có thể bị viêm da, rụng lông, giảm khả năng sử dụng thức ăn, giảm tăng trọng và ảnh hưởng đến ghép đôi trong nuôi thú sinh sản.



Hình 4: Ký sinh trùng trên da dúi mốc

Điều trị

Sát trùng chuồng trại 2 lần/tháng sử dụng: Hantox và dùng ivermec để điều trị (nhỏ ivermec đọc sồng lung 1 lần/tuần, trong 2 tuần).

Phòng bệnh

Bệnh ký sinh trùng dễ điều trị, sau thời gian điều trị 1 tuần đến 1 tháng thì bệnh đã hết. Bệnh gây ngứa và giảm tăng trọng trên dúi và đặc biệt là lây lan cho các con khác trong đàn vì vậy cần kiểm tra kỹ dúi mới nhập về, sát trùng chuồng trại trước khi nhập giống, cách ly dúi mới nhập về với dúi trong đàn, cũng như kiểm tra và sát trùng chuồng trại định kỳ, sau 1 tháng nuôi cách ly và theo dõi ổn định mới tiến hành nhập đàn hoặc ghép đôi sinh sản.

3.2.3 Bệnh mắt

Nguyên nhân và biểu hiện

Do ánh sáng có cường độ cao chiếu vào chuồng nuôi thường xuyên, do bụi bên trong chuồng nuôi hoặc thú đánh nhau cũng là một trong những nguyên nhân gây chấn thương về mắt. Khi đó, mắt có biểu hiện bất thường như: mắt đỏ, ghèn, các mí mắt dính lại với nhau.

Điều trị

Kiểm tra chuồng nuôi, đối với các trường hợp nhẹ, nhỏ nước muối sinh lý cho dúi: 2 lần/ ngày,

các trường hợp nặng hơn, nhỏ thuốc Efticol Natri clorid 0,9%, 3 lần/ngày cho đến khi dúi khỏi hẳn. Sử dụng kháng sinh tiêm bắp nếu bệnh có biểu hiện nặng.



Hình 5: Dúi bị đau mắt

Phòng bệnh

Đhòng bệnh trường hợp nhẹ, nhỏ nước muối sinh lý cho dúi: 2 lần/ ngày, các trường hợp nặng hơn, nhỏ thuốc Efticol Natri clorid 0,9%, 3 lần/ngày cho đến khi dúi khỏi h

Bệnh về mắt chỉ gặp trong thời gian đầu khi dúi mới nhập về nuôi do chưa nắm rõ kỹ thuật nuôi, dúi tiếp xúc với ánh sáng nhiều dẫn đến bệnh, sau khi tìm hiểu và biết nguyên nhân gây bệnh, nhóm nghiên cứu đã hạn chế cho dúi tiếp xúc với ánh sáng, vì vậy bệnh về mắt không còn xuất hiện trong thời gian nghiên cứu sau này.

3.3 Ghi nhận một số trường hợp dúi chết không rõ nguyên

Dúi chết bất thường với biểu hiện bỏ ăn, còi cọc: Dúi chết với các bệnh tích tim, gan, phổi có màu đen, ruột căng phồng chứa nhiều thức ăn. Tim ứ máu nhiều chỗ trong tim. Phổi ứ huyết, tích dịch phủ, cương mạch thụ động và phù thũng phổi. Biểu mô che phủ bị bong hết, lông nhung không thấy, niêm mạc không còn tuyến ruột bị hư hại, viêm nặng, có sợi huyết, có rất nhiều bạch cầu.



Tim, gan bị thâm đen

Hình 6: Một số bệnh tích đại thể trên tim và gan dúi chết không rõ nguyên nhân

Dúi chết nghi ngờ do bị cầu trùng

Dúi kém ăn, còi cọc, chậm phát triển, lông xù, nước mũi, nước dãi chảy ra nhiều, ruột thường có nốt đỏ nhỏ rải rác trên thành ruột, ruột to căng hơi. Mẫu phân tìm cầu trùng bằng phương pháp phù nổi

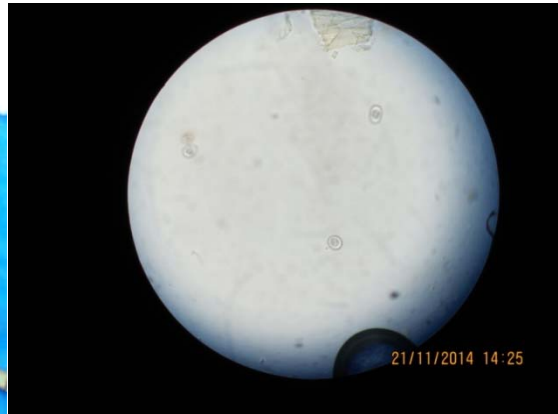
cho kết quả dương tính với mẫu xét nghiệm.

Phòng bệnh cầu trùng

Giữ chuồng luôn sạch sẽ, khô ráo, dọn dẹp vệ sinh và phun thuốc sát trùng theo định kỳ.



Hình 7: Mổ khám nghiệm dúi chết



Hình 8: Cầu trùng chụp trên kính hiển vi



Hình 9: Mẫu ruột của Dúi nhiễm nấm *Aspergillus fumigatus*



Hình 10: Mẫu gan và mẫu phổi của Dúi nhiễm nấm *Aspergillus fumigatus*

4 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong điều kiện nuôi nhốt dúi mốc thường gặp một số bệnh như: chấn thương cơ học (38,33%); mắt (8,33%), ký sinh trùng ngoài da (5%). Tỷ lệ chữa khỏi các bệnh cao (100%). Các bệnh được tìm thấy trong giai đoạn khảo sát trên dúi tương đối đơn giản và hiệu quả điều trị cao. Những bệnh này ít gây thiệt hại về kinh tế cho nhà chăn nuôi vì chiếm với tỷ lệ thấp.

Để phòng bệnh cho dúi mốc, chuồng trại phải đảm bảo khô ráo, sạch sẽ và thoáng mát, không cho ánh sáng trực tiếp vào chuồng. Khi dúi mốc bị bệnh cần cách ly dúi bệnh để theo dõi, tăng cường các biện pháp vệ sinh và sát trùng chuồng trại, không vận chuyển dúi mốc bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Andrew T. Smith, Yan Xie, Robert S. Hoffmann, Darrin Lunde, John MacKinnon, Don E. Wilson, W. Chris Wozencraft, 2008. A

guide to the mammals of China. Princeton University.

Aplin K., Lunde D., Molur S., 2008. *Rhizomys pruinosus*. IUCN red list of threatened species 2012.

Darrin Lunde and Nguyen Truong Son, 2000, An identification guide to the rodents of Vietnam, Center for biodiversity and conservation American museum of natural history.

Feng T., 1996. Method for artificial raising, training and breeding bamboo rat.

Lui J., Tang Z., Zhou D., Zheng Q., 2011. Actuality and countermeasure of breeding bamboo-rats in China. Journal of hunan environment-biological polytechnic. 2: 77-82.

Long Z., Yu B., 2012. The study of biological characters of hoary Bamboo rat (*Rhizomys pruinosus*). Biochemistry and molecular biology.

Xu L., 1984. Studies on the biology of the Hoary bamboo rat (*Rhizomys pruinosus* Blyth). Acta Theriologica Sinica. 4(2):100-105.